

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2012/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc
của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) để bố trí nơi làm việc cho cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ chuyên trách giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ ở cấp xã (cán bộ cấp xã).

2. Công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 3. Trong Quyết định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã” là tòa nhà và khuôn viên đất được sử dụng vào mục đích làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã.

2. “Tổng diện tích nhà làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã” gồm:

a) “Diện tích làm việc cho các cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã” là số mét vuông sàn, được xác định cho một chỗ làm việc của cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, để sử dụng vào mục đích làm việc tại trụ sở.

b) “Diện tích bộ phận công cộng và kỹ thuật” là số mét vuông sàn, được sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động chung tại trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã. Diện tích bộ phận công cộng và kỹ thuật gồm: diện tích phục vụ họp, diện tích phục vụ tiếp dân, diện tích phục vụ cải cách hành chính một cửa, diện tích phục vụ lưu trữ hồ sơ, diện tích phục vụ hoạt động thông tin và tuyên truyền.

c) “Diện tích bộ phận phụ trợ và phục vụ” là số mét vuông sàn, được xác định theo công năng thiết kế của tòa nhà, gồm: Diện tích sảnh chính, sảnh phụ; diện tích hành lang; diện tích khu vệ sinh; diện tích kho.

d) Diện tích cầu thang, diện tích nhà để xe, diện tích hội trường.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định như sau:

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc

Chức vụ, chức danh	Tiêu chuẩn diện tích tối đa cho 1 chỗ làm việc (m²/người)
A. Cán bộ	
Chức vụ: Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân	15
Chức vụ: Phó Bí thư Đảng ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	12
Chức vụ: Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.	10